TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 20/5/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phương Thuỷ là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Phong – Kiểm Sát Viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025; Quyết định hoãn phiên toà sơ thẩm số 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ E, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H*, trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình T tìm hiểu và tự nguyện đến hôn nhân, năm 2019 đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh đập vợ con vô cớ không có lý do, anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tháng 4 năm 2023 chị và anh T sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Nguyễn Đình T để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/01/2015 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 09/3/2013 hiện sức khoẻ hai con bình thường, đang sống chung với chị H. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi 02 con chung Nguyễn Hoàng Bảo N và Nguyễn Thanh B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu toà giải quyết. Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ chung vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến anh T nhưng anh T vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2025 cháu Nguyễn Thanh B *và cháu* Nguyễn Hoàng Bảo N*, đồng trình bày*:

Hiện hai cháu đang sống với mẹ và sức khoẻ rất tốt, khi cha mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Trần Thị Mỹ H. Nguyện vọng hai cháu được ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS; bị đơn anh Nguyễn Đình T chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Đình T; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 09/3/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/01/2015 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Đình T, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Bị đơn anh Nguyễn Đình T đang cư trú tại phường Đ, thành phố Q, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ tại các Điều 227, 228 BLTTDS thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua lời trình bày của chị H, có cơ sở xác định: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đình T tìm hiểu và tự nguyện đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định năm 2019, tại thời điểm kết hôn hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H khai sau khi kết hôn chị và ánh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh đập vợ con vô cớ không có lý do, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không tự hoà giải được. Năm 2023 chị và anh T đã sống ly thân.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập, thông báo hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Đình T đến toà để giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh Nguyễn Đình T không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Theo biên bản xác minh ngày 19/3/2025 tại địa phương cung cấp, chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đình T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ B, khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì địa phương không rõ vì không báo địa phương can thiệp giải quyết. Nếu ly hôn ai có điều kiện nuôi con chung thì địa phương cũng không thể biết được.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đình T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

[2.2] Về con chung:

Chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đình T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/01/2015 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 09/3/2013 hiện sức khoẻ bình thường; hiện đang sống chung với chị H, chị là người trực tiếp nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2025 cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 09/3/2013 cùng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H. HĐXX thấy, hai cháu Nguyễn Hoàng Bảo N và cháu Nguyễn Thanh B, hiện đang ở với chị H, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định cuộc sống về tâm sinh lý của cháu N và cháu B nên HĐXX giao hai cháu Nguyễn Hoàng Bảo N và cháu Nguyễn Thanh B, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, do đó HĐXX không xem xét giải quyết. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi phát sinh yêu cầu hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung:

Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/01/2015 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 09/3/2013 cho chị Trần Thị Mỹ H, trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con;

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Mỹ H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại số 0001177 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị Trần Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- CCTHADS TP. Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu.

Nguyễn Văn Tài